

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 399/QĐ-ĐHTCM, ngày 04 tháng 10 năm 2019
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên chương trình : TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP – ĐẠI TRÀ
Tên tiếng Anh : CORPORATE FINANCE
Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo : TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG Mã số:

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành tài chính – ngân hàng, chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu 1: Vận dụng được những kiến thức toán học, khoa học xã hội cơ bản vào lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Mục tiêu 2: Vận dụng được những lý thuyết kinh tế vào lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Mục tiêu 3: Phân tích được những vấn đề chuyên môn có liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.
- Mục tiêu 4: Sử dụng được ngoại ngữ, các phương pháp, công cụ, nghiệp vụ liên quan đến chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp để có thể làm việc trong môi trường đa ngành và đa văn hóa.
- Mục tiêu 5: Có ý thức về đạo đức, trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp, cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia.
- Mục tiêu 6: Có khả năng cập nhật kiến thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu công việc và học tập nâng cao trình độ

2. CHUẨN ĐẦU RA

(Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp Đại học phải đạt Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	<p>K1. Có các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế</p> <p>K2. Có khả năng vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế</p> <p>K3. Có kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>K5. Có khả năng thu thập thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng</p> <p>K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước</p> <p>K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp, các định chế tài chính,....</p> <p>K8. Có khả năng phân tích và hoạch định chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn.</p>	
Kỹ năng	<p>S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, hải quan, thẩm định giá, ...</p> <p>S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm,</p>	

	thuế, hải quan, thẩm định giá, ... S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, hải quan, thẩm định giá, ... S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc S5. Ứng dụng tốt tin học và ngoại ngữ trong công việc	
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ (không kể giáo dục an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất và kỹ năng mềm)

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ.
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 87 tín chỉ.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo quy chế tuyển sinh của Bộ giáo dục và đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Theo qui định đào tạo Học chế tín chỉ ban hành tại Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017 của trường Đại học Tài Chính – Marketing

7. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Tích lũy đủ 121 tín chỉ (không kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh) và thỏa các điều kiện theo Qui định ở Điều 29, chương V, Qui định về tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ của trường, ban hành tại Quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT, ngày 19/7/2012; Qui định về chuẩn đầu ra của trường đối với bậc đại học hệ chính quy.

- Điều kiện về trình độ tin học: (Theo Thông báo số 1193/TB-ĐHTCM ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing Về việc

hướng dẫn thực hiện Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học đối với sinh viên các khóa đào tạo bậc đại học hệ chính quy).

• Đối với các khóa đào tạo có chuẩn đầu ra áp dụng chứng chỉ A, B tin học: áp dụng một trong các điều kiện sau:

Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp.

Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hay Hệ thống thông tin quản lý hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học.

Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ ứng dụng CNTT cơ bản do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chứng chỉ tin học trình độ A, B còn thời hạn giá trị do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của trường Đại học Tài chính – Marketing cấp hoặc do các Trung tâm đào tạo tin học thuộc các cơ sở đào tạo đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục Việt Nam cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ A, B do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

- Đối với các khóa đào tạo có chuẩn đầu ra áp dụng chứng chỉ tin học MOS: áp dụng một trong các điều kiện sau: (Theo Thông báo số 1193/TB-ĐHTCM ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing Về việc hướng dẫn thực hiện Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học đối với sinh viên các khóa đào tạo bậc đại học hệ chính quy).

Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp.

Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hay Hệ thống thông tin quản lý hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học.

Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ ứng dụng CNTT cơ bản do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điều kiện về trình độ tiếng Anh:

Chương trình đào tạo áp dụng	Cấp độ theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)	Cấp độ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	IELTS	TOEFL (PBT/CBT/iBT)	TOEIC	Kết quả kiểm tra tiếng Anh do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chương trình đại trà	B1	3/6	4.0	437/130/41	405	Đạt trình độ tương đương chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định của các chương trình đào tạo.

Ghi chú:

- Các điểm số, cấp độ nêu trên là điểm số, cấp độ tối thiểu cần đạt được; điểm số tô đậm là điểm số của chứng chỉ tương ứng đã nêu trong nội dung chuẩn đầu ra.
- (1), (2): là các chứng chỉ xác nhận trình độ ngoại ngữ theo Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR) hoặc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- (3): là Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS do Hội đồng Anh, Đại học Cambridge, IDP-Úc cấp.
- (4), (5): là Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC, TOEFL do Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (ETS) cấp qua đại diện tại Việt Nam – Trung tâm IIG Việt Nam.
- (6): Xác nhận đạt yêu cầu trình độ tiếng Anh theo quy định chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tại kỳ kiểm tra tiếng Anh do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức.

- Có chứng chỉ Giáo dục an ninh quốc phòng;
- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất;
- Kỹ năng mềm: 4/8 kỹ năng như sau:

Hoàn thành 2 trong 4 kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng Làm việc nhóm

- Kỹ năng Quản lý thời gian
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo

Hoàn thành 2/4 kỹ năng thuộc nhóm kỹ năng cần cho sinh viên trong làm việc

- Kỹ năng Giao tiếp
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề
- Kỹ năng tìm việc
- Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

- Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên theo quy định ở Điều 5, Chương I qui định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017.
- Sinh viên thực tập cuối khóa và viết Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học các học phần thay thế) theo quy định ở Điều 19, chương III quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ của trường ban hành tại Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06/06/2017 của trường Đại học Tài Chính – Marketing quy định về đào tạo theo học chế tín chỉ.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT/mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức				Môn học tiên quyết
				LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP, DN	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương								
<i>1.1 Lý luận chính trị: 11 tín chỉ</i>								
	Triết học Mác – Lênin		3	45			90	
	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	30			60	
	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	30			60	
	Lịch sử Đảng cộng		2	30			60	

	sản Việt Nam							
	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)		2	30			60	
<i>1.2 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ</i>								
10637	Pháp luật đại cương (Basic Laws)		3	45			90	
<i>1.3 Ngoại ngữ: 12 tín chỉ</i>								
10640	Anh văn căn bản 1 (GeneralEnglish 1)		3	45			90	
10022	Anh văn căn bản 2 (GeneralEnglish 2)		3	45			90	
10023	Anh văn căn bản 3 (GeneralEnglish 3)		3	45			90	
10024	Anh văn căn bản 4 (GeneralEnglish 4)		3	45			90	
<i>1.4 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường: 8 tín chỉ</i>								
10025	Toán cao cấp (Calculus)		4	60			120	
10638	Tin học đại cương (Basic Informatics)		4	45		30	120	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
<i>2.1 Kiến thức cơ sở: 21 tín chỉ</i>								
010031	Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics 1)		3	45			90	
010032	Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics 1)		3	45			90	
	Nguyên lý kế toán (Principles of		3	45			90	

	accounting)							
	Nguyên lý marketing (Basic Marketing)		3	45			90	
	Quản trị học (Introduction to Management)		3	45			90	
	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1 (The economics of money, banking and financial markets 1)		3	45			90	
	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng (Theories of Probability and statistics)		3	45			90	
<i>2.2 Kiến thức ngành: 29 tín chỉ</i>								
	Nguyên lý thẩm định giá (Principles of Valuation)		3	45			90	
	Tài chính công (Public finance)		3	45			90	
	Thuế 1 (Taxation 1)		3	45			90	
	Thị trường chứng khoán (Securities Markets)		3	45			90	
	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm (Principles and Practices of insurance)		3	45			90	
	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2 (The		2	30			60	

	economics of money, banking and financial markets 2)							
	Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance 1)		3	45			90	
	Ngân hàng thương mại (Commercial Bank)		3	45			90	
	Tài chính quốc tế (International Finance)		3	45			90	
	Kinh tế lượng (Econometrics)		3	45			90	
<i>2.3 Kiến thức chuyên ngành: 25 tín chỉ</i>								
	Học phần bắt buộc		19	14		5		
	Tài chính doanh nghiệp 2 (Corporate Finance 2)		3	45			90	
	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk Management)		3	45			90	
	Phân tích Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance Analysis)		3	45			90	
	Mô hình tài chính (Financial Modelling)		3	30		30	90	
	Thực hành nghề nghiệp (Practicum)		2			60	60	
	Mô phỏng đầu tư tài chính (Financial Investment Practice)		2			60	60	

	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia (Multinational Financial Management)		3	45			90	
	Học phần tự chọn (Các môn tự chọn nên tạo thành từng nhóm theo vị trí việc làm)		6	6				
	Tài chính hành vi (Behavioral Finance) <i>Hoặc</i> Hợp nhất, mua bán doanh nghiệp (Mergers and Acquisitions)		3	45			90	
	Thị trường chứng khoán phái sinh (Derivatives securities market) <i>Hoặc</i> Quản lý danh mục đầu tư (Portfolio Management) <i>Hoặc</i> Đầu tư tài chính (Financial Investment)		3	45			90	
<i>2.4 Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ</i>								
	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư (Capital Budgeting) <i>Hoặc</i> Thẩm định dự án đầu tư (Investment Appraisal)		3	45			90	

	Kế toán tài chính (Financial Accounting) <i>Hoặc</i> Toán tài chính (Financial Mathematic)		3	45			90	
3. Tốt nghiệp: 6 tín chỉ								
	Khóa luận tốt nghiệp		6			180	180	
Hoặc:								
	Thực tập cuối khóa		3			90	90	
và	Chiến lược Tài chính công ty (Corporate Financial Strategy)		3	45			90	
TỔNG CỘNG		121						

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học Mác – Lênin	3			
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		Triết học Mác – Lênin	
3	Toán cao cấp	4			
4	Tin học đại cương	4			
5	Kinh tế vi mô 1	3			
6	Kinh tế vĩ mô 1	3			
7	Nguyên lý kế toán	3			
8	Nguyên lý marketing	3			

9	Quản trị học	3			
10	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1	3			
11	Anh văn căn bản 1	3			
12	Anh văn căn bản 2	3			
13	Anh văn căn bản 3	3			
	Tổng cộng	40			

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Triết học Mác - Lênin	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	
3	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3		Toán cao cấp	
4	Anh văn căn bản 4	3			
5	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 2	2			
6	Nguyên lý thẩm định giá	3			
7	Pháp luật đại cương	3			
8	Kế toán tài chính Toán tài chính	3			
9	Nguyên lý và thực hành bảo hiểm	3			
10	Thuế 1	3			
11	Thị trường chứng khoán	3			
12	Tài chính doanh nghiệp 1	3			
13	Ngân hàng thương mại	3			
14	Kinh tế lượng	3			

	Tổng cộng	39			
--	-----------	----	--	--	--

Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			
2	Tài chính công	3			
3	Tài chính doanh nghiệp 2	3			
4	Tài chính quốc tế	3			
5	Quản trị rủi ro tài chính	3			
6	Mô hình tài chính	3			
7	Phân tích Tài chính doanh nghiệp	3			
8	Thị trường chứng khoán phái sinh Quản lý danh mục đầu tư Đầu tư tài chính	3			Tự chọn
9	Thực hành nghề nghiệp	2			
10	Mô phỏng đầu tư tài chính	2			
11	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3			
12	Tài chính hành vi Hợp nhất, mua bán doanh nghiệp	3			Tự chọn
13	Hoạch định ngân sách vốn đầu tư Thẩm định dự án đầu tư	3			Tự chọn
	Tổng cộng	36			

Năm 4 (1/2 năm)

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
	Khóa luận tốt nghiệp	6		Hoàn tất các môn học	

				khác	
Hoặc:					
	Thực tập cuối khóa	3			
và	Chiến lược Tài chính công ty (Corporate Financial Strategy)	3			
	TỔNG	6			

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

11.1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt. Khoa và Bộ môn sẽ tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm Bộ môn sẽ xây dựng, cập nhật đề cương chi tiết các môn chuyên ngành của bộ môn, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng môn chuyên ngành và kế hoạch thực tập tốt nghiệp.
- Khoa chịu trách nhiệm phân công giáo viên giảng, theo dõi nội dung giảng dạy theo đúng với yêu cầu đề cương chương trình môn học. Tổ chức đánh giá kết quả học tập theo đúng qui chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo.
- Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo. Hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.
- Nhà trường cần có các phòng học trang bị phương tiện hiện đại hỗ trợ cho việc giảng dạy bằng giáo án điện tử, và các phòng thực hành cho sinh viên như: phòng thảo luận seminar, phòng báo cáo đề tài nhóm...

11.2. Phương pháp đào tạo

1. Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của thầy và tự nghiên cứu của SV, đề cao và khuyến khích tính tự chủ, năng động trong học tập và nghiên cứu của sinh viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy mới như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm... Chú trọng đến kỹ năng thực hành các môn học chuyên ngành.
2. Giảng viên phụ trách môn học xây dựng kế hoạch thực hành trong từng học kỳ năm học. Khoa duyệt kế hoạch, phổ biến đến SV để có hướng chuẩn bị học tích cực.
3. Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn chuyên ngành như:
 - Tổ chức seminar: Giảng viên chỉ giảng dạy các nội dung cơ bản, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị SV đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.

- Tham quan doanh nghiệp, xem tư liệu, thảo luận theo nhóm và viết bài thu hoạch
 - Mời các doanh nghiệp báo cáo thực tế viết bài thu hoạch về doanh nghiệp.
 - Tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ: thảo luận tình huống, khảo sát viết đề tài nhỏ...
4. Đánh giá kết quả thực hành: Đánh giá thực hành sẽ theo yêu cầu từng môn học theo kế hoạch thực hành Khoa đã duyệt, phù hợp với qui chế của Bộ Giáo Dục – Đào tạo và các văn bản của Trường.

12. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH *(mỗi môn học có ghi rõ chuẩn đầu ra)*

12.1. Triết học Mac-Lênin

- ❖ Môn học trước: Không
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên một cách tương đối có hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, cũng như phân tích các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4

12.2. Kinh tế chính trị Mác Lênin

- ❖ Môn học trước: Triết học Mác - Lênin
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

- ❖ Môn học trước: Triết học Mác – Lênin.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, những căn cứ lý luận khoa học để hiểu Cương lĩnh xây dựng đất nước, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.4. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam

- ❖ Môn học trước: Triết học Mác – Lên nin.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

- ❖ Môn học trước: Triết học Mác – Lên nin.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của CMVN, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo CN Mác Lênin, vào điều kiện cụ thể nước ta, đồng thời là kết tinh tinh hoa dân tộc và trí tuệ thời đại về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.6. Giáo dục thể chất

Nội dung ban hành Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/09/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/04/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

12.7. Giáo dục quốc phòng

Nội dung ban hành tại Quyết định số 12/2000/QĐ-BGD&ĐT, ngày 09/05/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Đào tạo.

12.8. Pháp luật đại cương

- ❖ Môn học trước: Triết học Mác – Lên nin, Kinh tế chính trị Mac - Lênin
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy Nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của

hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật hành Chánh, Luật Dân sự, Luật Hình sự.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.9. Anh Văn căn bản 1

- ❖ Môn học trước: Đạt điểm thi đầu vào TOEIC ≥ 200
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 1 (AVCB1) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên ngữ đạt điểm đầu vào tiệm cận trình độ A2 theo khung năng lực tiếng Anh CEFR (Common European Framework of Reference) (TOEIC ≥ 200), mở rộng vốn từ vựng về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, ôn luyện cấu trúc ngữ pháp sử dụng thường xuyên liên quan nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm...), luyện phát âm những từ, cụm từ và cách diễn đạt đã học, phát triển các kỹ năng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (B1.1).
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.10. Anh Văn căn bản 2

- ❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 1
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 2 (AVCB 2) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 1. Học phần cung cấp vốn từ vựng và ngữ pháp cơ bản để xử lý các tình huống giao tiếp thông dụng hằng ngày với nội dung có thể đoán trước, rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp về các chủ đề môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu ở cấp độ sơ trung cấp theo Khung năng lực tiếng Anh CEFR.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.11. Anh Văn căn bản 3

- ❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 2
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 3 (AVCB3) thuộc khối kiến thức đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 2. Học phần mở rộng vốn từ vựng và ngữ pháp để mô tả tình huống không thể đoán trước, diễn đạt mong muốn bản thân, thể hiện suy nghĩ về các vấn đề mang tính trừu tượng ở cấp độ tiệm cận trung cấp B1.3 theo Khung năng lực tiếng Anh CEFR.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.12. Anh Văn căn bản 4

- ❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 3

- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 4 (AVCB4) thuộc khối kiến thức đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 3, giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp để diễn đạt bản thân và giao tiếp về hầu hết các chủ đề đa dạng như gia đình, thói quen, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra, kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh tương đương trình độ trung cấp theo Khung Năng lực tiếng Anh CEFR.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K1; S5; A1, A2, A3, A4.

12.13. Toán cao cấp

- ❖ Môn học trước: Không
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian véctơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K2; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.14. Tin học đại cương

- ❖ Môn học trước: Không
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các khối kiến thức như sau: (1) Hệ điều hành Windows và các tiện ích của hệ điều hành; (2) Internet, các phương pháp tìm kiếm thông tin trên internet và quản lý hộp mail với Microsoft Outlook; (3) Soạn thảo văn bản với Microsoft Word; (4) Trình chiếu với Microsoft Powerpoint; (5) Xử lý bảng tính với Microsoft Excel.

Học phần này không nhằm giới thiệu từ đầu các khối kiến thức trên mà củng cố, phát triển nâng cao kỹ năng soạn thảo văn bản, xử lý dữ liệu với bảng tính, soạn bài thuyết trình, quản lý hộp mail thông qua Microsoft Outlook, tìm kiếm tài liệu trên Internet, sử dụng các phần mềm tiện ích và bảo mật ứng dụng vào những hoạt động học tập cũng như làm việc sau này và đáp ứng chuẩn đầu ra MOS Word và MOS Excel cấp độ Specialist thông qua các bài tập thực hành, các tình huống cụ thể.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K2; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.15. Kinh tế vi mô 1

- ❖ Môn học trước: Toán cao cấp

- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Môn học kinh tế vi mô 1 giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K3; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.16. Kinh tế vĩ mô 1

- ❖ Môn học trước: Toán cao cấp, Kinh tế vi mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn; các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K3; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.17. Quản trị học

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Quản trị học xây dựng khung lý thuyết quản trị cho hoạt động chuyên ngành như: nhân lực, marketing, sản xuất, bán hàng,...Môn học hình thành nền tảng kiến thức hoạch định, tổ chức, kiểm tra, đánh giá; thực hành những kiến thức cơ bản về quản trị và vận dụng các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp. Môn học này tạo tiền đề, cơ sở cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách giải quyết vấn đề của doanh nghiệp.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K4; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.18. Nguyên lý Marketing

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần nguyên lý marketing bao gồm 10 chương, trước hết làm rõ các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm marketing, marketing mix, vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing. Học phần đi sâu phân tích nội dung các hoạt động marketing (quá trình marketing) như phân tích môi trường marketing, phân tích hành

vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K3; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.19. Nguyên lý kế toán

- ❖ Môn học trước: Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Nguyên lý kế toán là môn học thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán: khái niệm, định nghĩa, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị cụ thể. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những kiến thức nền tảng kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K4; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.20. Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Trang bị kiến thức nền liên quan đến tài chính, ngân hàng, thị trường tài chính qua đó sinh viên có cái nhìn tổng quan về thị trường kinh tế vĩ mô, mối quan hệ giữa các chủ thể trong nền kinh tế và sự tác động.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K4; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.21. Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 2

- ❖ Môn học trước: Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần sẽ trang bị kiến thức nền liên quan đến tài chính – tiền tệ và thị trường tài chính qua đó sinh viên có cái nhìn tổng quát về các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế vĩ mô, mối quan hệ giữa các chủ thể trong nền kinh tế và sự tác động cũng như vai trò của các chủ thể trong các quan hệ kinh tế. Ngoài ra, học phần Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính 2 sẽ tạo cơ sở cho các môn học chuyên ngành như Tài chính doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, thị

trường tài chính, thị trường chứng khoán,... Với tính chất quan trọng đó, môn tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 2 là môn học nền tảng, có tính xuyên suốt đối với các trường đại học khối ngành kinh tế.

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K4; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.22. Kinh tế lượng

- ❖ Môn học trước: Lý thuyết xác suất thống kê toán, Toán cao cấp, Kinh tế vi mô I, Kinh tế vĩ mô I, Tin học đại cương.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như về kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K4; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.23. Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

- ❖ Môn học trước: Toán cao cấp
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng. Cung cấp các kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê; Ứng dụng các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K2; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.24. Nguyên lý thẩm định giá

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khái niệm thẩm định giá, vai trò của thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường, mục đích thẩm định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá quốc tế và Việt Nam, giới thiệu về nghề nghiệp thẩm định giá ở Việt Nam. Học phần cũng trang bị cho sinh viên cơ sở giá trị của thẩm định giá tài sản, các nguyên tắc thẩm định giá tài sản, các cách tiếp cận và các phương pháp

thẩm định giá tài sản, quy trình thẩm định giá tài sản và hoàn tất một báo cáo thẩm định giá tài sản. Với các kiến thức cơ bản về lý luận và ví dụ thực tiễn, sinh viên có thể thực hiện thẩm định giá tài sản ở mức độ đơn giản như bất động sản, máy thiết bị,...

- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K5; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.25. Tài chính công

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp những kiến thức đầu tư hiện đại liên quan đến các lý thuyết Tài chính và những chứng cứ thực nghiệm để đưa ra một quyết định đầu tư. Các chủ đề trong môn học này bao gồm: Lý thuyết danh mục; Các mô hình định giá chứng khoán (bao gồm mô hình định giá Tài sản vốn- CAPM và lý thuyết kinh doanh chênh lệch giá- APT); Phân tích kỹ thuật trong dự báo biến động giá chứng khoán; Lý thuyết thị trường hiệu quả; Các lý thuyết hiện đại liên quan đến tiến trình triển khai chiến lược quản lý danh mục vốn đầu tư; Xây dựng tập hợp danh mục đầu tư hiệu quả; Triển khai các chiến lược tạo ra giá trị, các phương pháp đo lường đóng góp giá trị hàng năm của danh mục; Quản lý danh mục thông qua xây dựng lịch trình chiến lược quản lý danh mục vốn.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K5; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.26. Thuế 1

- ❖ Môn học trước: Tài chính doanh nghiệp 1, Nguyên lý kế toán.
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, lý luận nền về thuế nhằm giúp sinh viên hiểu được tại sao lại phải có thuế; quá trình phát triển của hệ thống thuế Việt Nam và đặc biệt là những nội dung cụ thể của các Luật thuế chủ yếu đang được áp dụng hiện nay như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân... Môn học cũng trang bị cho sinh viên cách đọc và hiểu văn bản thuế.
- ❖ Chuẩn đầu ra: Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT K5; S1, S2, S3, S4; A1, A2, A3, A4.

12.27. Thị trường chứng khoán

- ❖ Môn học trước: Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1, 2
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần giới thiệu về sự ra đời và tầm quan trọng của thị trường chứng khoán trong nền kinh tế. Các loại hàng hoá trên thị trường chứng khoán; Cách thức tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán; Công ty chứng khoán; Quỹ đầu tư chứng khoán; Hệ thống